

CHUẨN HÓA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI: TIẾP CẬN TỪ NĂNG LỰC GIẢNG VIÊN

★ TS LÊ VĂN TUYỀN

★ TS PHAN HOÀNG LINH

Trường Chính trị thành phố Cần Thơ

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.582.2026.206>

● **Tóm tắt:** Bài viết tiếp cận năng lực giảng viên là một chỉnh thể thống nhất giữa năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực chuyển đổi số, gắn liền với bản lĩnh chính trị, tính đảng và trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong môi trường số. Trên cơ sở nhận diện nguyên nhân từ sự phát triển chưa đồng bộ giữa con người, công nghệ và điều kiện tổ chức, bài viết đề xuất một khung chuẩn hóa theo hướng đồng bộ hóa đội ngũ, hạ tầng số, khung đánh giá và hệ sinh thái hỗ trợ đổi mới hoạt động nghề nghiệp của giảng viên.

● **Từ khóa:** chuẩn hóa trường chính trị; năng lực giảng viên; đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số.

Standardizing political schools in the new period: An approach from lecturer capacity

● **Abstract:** The article approaches lecturer capacity as an integrated whole combining innovation capacity and digital transformation capacity, closely linked to political mettle, party character, and the responsibility to protect the Party's ideological foundation in the digital environment. Based on identifying causes stemming from the unsynchronized development among human resources, technology, and organizational conditions, the article proposes a standardization framework toward synchronizing the faculty staff, digital infrastructure, evaluation frameworks, and a supportive ecosystem to innovate lecturers' professional activities.

● **Keywords:** political school standardization; lecturer capacity; innovation; digital transformation.

1. Mở đầu

Trường chính trị là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của hệ thống chính trị, gắn với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và phục vụ hoạch định chính sách ở địa phương (Ban Bí thư, 2026a). Quy định số 393-QĐ/TW ngày 05/01/2026 của Ban Bí thư về chức năng,

nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố và Quy định số 396-QĐ/TW ngày 06/01/2026 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn đều đặt ra yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển năng lực số của đội ngũ giảng viên.

Chuyển đổi số vừa mở ra môi trường mới cho giáo dục lý luận chính trị, phát triển năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của giảng viên các trường chính trị vừa đặt ra những thách thức đề cao yêu cầu giữ vững bản lĩnh chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái trên môi trường số. Đây là điểm đặc thù trong chuẩn hóa năng lực giảng viên trường chính trị.

Từ góc nhìn đó, chuẩn hóa trường chính trị cần được tiếp cận như một quá trình đồng bộ hóa các điều kiện phát triển của nhà trường, trong đó năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của giảng viên là một trục trung tâm.

Về cách tiếp cận và công cụ khảo sát: Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi cấu trúc, kết hợp dữ liệu định lượng là chủ đạo với thông tin định tính bổ trợ. Dữ liệu được khai thác từ cuộc khảo sát do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức vào tháng 3/2026 trên phạm vi các trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2026).

Về mẫu và cách chọn mẫu: Tổng số phiếu hợp lệ thu được là 1.306 phiếu, được phân theo ba nhóm chủ thể nhằm bảo đảm tính đại diện cho các góc nhìn khác nhau ở trong và ngoài nhà trường. Nhóm thứ nhất gồm 131 phiếu của cán bộ quản lý các trường chính trị tỉnh, thành phố. Nhóm thứ hai gồm 287 phiếu của giảng viên trực tiếp tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nhóm thứ ba gồm 888 phiếu của các chủ thể đánh giá độc lập, bao gồm học viên và những đối tượng thụ hưởng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Việc kết hợp ba nhóm chủ thể, trong đó nhóm đánh giá độc lập có quy mô lớn nhất, có thể đối chiếu chéo giữa tự đánh giá của nhà trường với đánh giá từ phía người học. Qua đó, hạn chế thiên lệch một chiều và làm tăng độ tin cậy của các kết luận.

Về nội dung khảo sát: Từ khung lý luận đã xác định, nội dung khảo sát được triển khai theo bốn câu phần, mỗi câu phần tương ứng với một nhóm chỉ số dùng để phân tích thực trạng. *Năng lực đổi mới sáng tạo*, tập trung vào các biểu hiện: giảng viên có thực sự đổi mới cách dạy không, nội dung bài giảng có được cập nhật theo chính sách mới và gắn với thực tiễn địa phương không, nghiên cứu khoa học có được đưa vào giảng dạy và tư vấn chính sách không, giảng viên có khả năng học thêm, thích nghi với công nghệ mới trong công việc hằng ngày không. *Năng lực chuyển đổi số*, tập trung vào các biểu hiện về nhận thức, kiến thức và kỹ năng số. Cụ thể hơn là khả năng dùng nền tảng quản lý học tập LMS, thiết kế bài giảng số, khai thác học liệu và thư viện số. Đồng thời xem xét cả năng lực hợp tác chuyên môn trên môi trường số và thái độ, đạo đức, ý thức trách nhiệm của giảng viên trong sử dụng công nghệ. *Hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ*, được xem xét thông qua chất lượng đầu ra, mức độ người học vận dụng tri thức vào thực tiễn công tác, cũng như mức độ hài lòng của các chủ thể thụ hưởng đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. *Điều kiện hỗ trợ*, bao gồm các yếu tố về thể chế, chính sách, môi trường tổ chức, hạ tầng công nghệ, học liệu số, cơ chế khuyến khích và mức độ gắn kết giữa hoạt động đào tạo của nhà trường với thực tiễn địa phương (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2026).

Về thang đo và xử lý dữ liệu: Các biểu hiện thuộc câu phần năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực chuyển đổi số, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và điều kiện hỗ trợ được đo bằng thang Likert 5 mức, từ 1 là hoàn toàn không đồng ý đến 5 là hoàn toàn đồng ý.

Dữ liệu sau đó được xử lý bằng thống kê mô tả, bao gồm điểm trung bình và tỷ lệ phần trăm

các đánh giá tích cực ở mức 4 và 5 trên thang Likert. Bên cạnh đó, tiến hành so sánh kết quả giữa ba nhóm chủ thể nhằm nhận diện những điểm tương đồng và khác biệt trong cách nhìn nhận. Đây là cơ sở để rút ra các nhận định về thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực chuyển đổi số của giảng viên trường chính trị.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận về năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực chuyển đổi số của giảng viên trường chính trị

Hoạt động của giảng viên trường chính trị gắn với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học. Để bảo đảm tính hệ thống, bài viết xác định ba tầng lý luận làm khung tiếp cận, gồm: 1) Chuẩn hóa trường chính trị về bản chất là chuẩn hóa một thể chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng, 2) Năng lực giảng viên là trục trung tâm của quá trình chuẩn hóa, 3) Năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực chuyển đổi số là hai năng lực nền tảng của giảng viên trong giai đoạn mới.

Một là, chuẩn hóa trường chính trị về bản chất là chuẩn hóa một thể chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng. Trường chính trị là thiết chế chính trị thực hiện chức năng tư tưởng - lý luận. Do đó chuẩn hóa trường chính trị theo tinh thần Quy định số 393-QĐ/TW và Quy định số 396-QĐ/TW của Ban Bí thư là chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm và giữ vững, phát huy tính đảng, tính khoa học, tính chiến đấu trong toàn bộ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng (Ban Bí thư, 2026b).

Hai là, năng lực giảng viên là trục trung tâm của chuẩn hóa. Trong bản thảo *Grundrisse*, C.Mác đã nhấn mạnh rằng, khi khoa học được tích hợp vào quá trình sản xuất, “tri thức xã hội phổ quát (*general intellect*) trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”, làm thay đổi sâu sắc phương thức tổ chức lao động và cấu trúc của quá trình

sản xuất xã hội (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tr.372). Vận dụng vào trường chính trị, chất lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ được quyết định bởi năng lực thực chất của đội ngũ giảng viên. Vì vậy, năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực chuyển đổi số được xem là hai phương diện gắn bó chặt chẽ trong năng lực nghề nghiệp của giảng viên trường chính trị, phản ánh chất lượng lao động trí tuệ của đội ngũ cán bộ trong bối cảnh hiện nay.

Ba là, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là hai năng lực nền tảng của giảng viên trong giai đoạn mới.

Về năng lực đổi mới sáng tạo: sáng tạo là khả năng hình thành những ý tưởng mới, đổi mới là quá trình tổ chức và hiện thực hóa những ý tưởng ấy thành phương thức hoạt động có khả năng tạo ra giá trị mới. Joseph Schumpeter khi bàn về đổi mới đã coi đó là sự “kết hợp mới” giữa các yếu tố của quá trình sản xuất, qua đó làm xuất hiện những sản phẩm, phương thức tổ chức hoặc thị trường mới và chính những sự kết hợp mới ấy tạo nên động lực vận động của nền kinh tế hiện đại (Schumpeter, 1934, tr.47-48). Ở phương diện đo lường và quản trị hiện đại, đổi mới gắn với việc đưa vào sử dụng một sản phẩm hoặc quy trình mới hoặc được cải tiến đáng kể, tạo ra giá trị thực tế cho tổ chức (OECD/Eurostat, 2018). Khi vận dụng trong đào tạo lý luận chính trị, cái mới không chỉ là việc sử dụng công nghệ hay phương tiện hiện đại mà còn là khả năng tổ chức lại tri thức, diễn đạt lại tri thức và truyền tải tri thức theo cách phù hợp với thực tiễn hơn và hiệu quả hơn.

Từ cách tiếp cận đó, năng lực đổi mới sáng tạo của giảng viên trường chính trị được hiểu là khả năng làm mới quá trình tổ chức, chuyển hóa và dẫn dắt tri thức trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học. Năng

lực này gồm: 1) đổi mới phương pháp giảng dạy, 2) cập nhật, điều chỉnh nội dung bài giảng theo hướng bám sát thực tiễn địa phương và những chủ trương, chính sách mới, 3) gắn kết nghiên cứu khoa học với thực tiễn, 4) chuyên hóa kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và tư vấn chính sách, 5) chủ động học tập, thích ứng với công nghệ mới trong môi trường nghề nghiệp.

Về năng lực chuyển đổi số: Trong giáo dục, chuyển đổi số không chỉ là việc đưa công nghệ vào lớp học hay sử dụng thêm phần mềm hỗ trợ giảng dạy, mà cốt lõi là sự thay đổi trong cách tổ chức môi trường tri thức, phương thức tương tác giữa giảng viên với học viên và cách triển khai các hoạt động dạy học. Theo đó, vai trò của giảng viên cũng phải thay đổi. Giảng viên không còn chỉ là người truyền đạt tri thức theo một chiều, mà phải trở thành người tổ chức không gian để học viên thực sự học, dẫn dắt tư duy thay vì chỉ cung cấp đáp án.

Từ cách tiếp cận đó, năng lực chuyển đổi số của giảng viên trường chính trị là sự tổng hợp giữa nhận thức số, kiến thức số, kỹ năng số và thái độ, đạo đức số. Những thành tố này được vận dụng vào quá trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý chuyên môn và cộng tác học thuật trong môi trường số. Cụ thể, năng lực chuyển đổi số của giảng viên được thể hiện ở nhận thức đúng và kiến thức cần thiết về chuyển đổi số; khả năng sử dụng các nền tảng quản lý học tập như LMS, thiết kế bài giảng số, khai thác học liệu số và thư viện số; năng lực hợp tác, trao đổi chuyên môn trên môi trường số; đồng thời có thái độ phù hợp, ý thức đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin khi sử dụng công nghệ (Hoàng Văn Hoan, 2026; Nguyễn Thị Thanh Nhân, 2026).

Trên bình diện quốc tế, khung năng lực số dành cho nhà giáo dục của châu Âu được mô tả

năng lực số của nhà giáo qua 22 năng lực thuộc 6 lĩnh vực: từ sử dụng công nghệ trong môi trường nghề nghiệp, khai thác và thiết kế học liệu số, tổ chức dạy học và đánh giá, đến trao quyền và phát triển năng lực số cho người học (Redecker, 2017). UNESCO cũng nhấn mạnh năng lực công nghệ của giảng viên không dừng ở kỹ năng thao tác công cụ mà phải gắn với mục tiêu sư phạm và sự phát triển của người học (UNESCO, 2018). Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo phát triển, UNESCO xác định nhà giáo cần phát triển tư duy lấy con người làm trung tâm, năng lực đạo đức và năng lực sư phạm số (UNESCO, 2024).

Đối với giảng viên trường chính trị, năng lực số không chỉ là năng lực kỹ thuật mà còn bao hàm cả năng lực chính trị - tư tưởng trong môi trường số: khả năng định hướng thông tin, nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, giữ vững tính đảng, tính khoa học và tính chiến đấu khi giảng dạy lý luận chính trị.

Từ góc độ tiếp cận theo mô hình năng lực có thể thấy, năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực chuyển đổi số của giảng viên không tự nhiên hình thành, cũng không chỉ phụ thuộc vào nỗ lực cá nhân. Hai năng lực này chịu sự tác động đồng thời của nhiều yếu tố, như thể chế, chính sách, môi trường tổ chức, điều kiện hạ tầng công nghệ, năng lực của từng giảng viên và cả yêu cầu thực tiễn đặt ra từ địa phương (Nguyễn Thị Thanh Nhân, 2026). Trong đó, năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực chuyển đổi số có sự gắn bó, hỗ trợ lẫn nhau. Chuyển đổi số tạo ra môi trường mới, công cụ mới và nguồn lực mới để giảng viên có điều kiện đổi mới nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức hoạt động đào tạo. Ngược lại, năng lực đổi mới sáng tạo giúp định hướng việc sử dụng công nghệ một cách có mục tiêu, phù hợp với đặc thù đào tạo lý luận chính trị,

tránh tình trạng ứng dụng công nghệ theo phong trào hoặc chỉ dừng lại ở hình thức.

Với trường chính trị, công nghệ chỉ thực sự có giá trị khi giảng viên biết cách dùng nó bằng năng lực lý luận, bằng bản lĩnh chính trị và bằng phương pháp sư phạm thực sự chắc chắn. Từ cơ sở đó, bài viết xác định khung khảo sát thực trạng xoay quanh bốn câu phân tổng hợp: năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực chuyển đổi số, hiệu quả đào tạo và các điều kiện hỗ trợ.

2.2. Thực trạng phát triển năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của giảng viên trường chính trị

Từ nghiên cứu, khảo sát cho thấy cả bốn chỉ số tổng hợp gồm năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực chuyển đổi số, hiệu quả đào tạo và điều kiện hỗ trợ đều đạt từ mức khá đến cao ở cả ba nhóm khảo sát. Qua phân tích, có thể khái quát ở bốn đặc điểm chính. Kết quả tổng hợp điểm trung bình của bốn chỉ số theo ba nhóm chủ thể được thể hiện ở Bảng 1.

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy ba điểm nổi bật sau:

Một là, nền tảng đổi mới đã hình thành tương đối rõ. Cả bốn chỉ số tổng hợp đều đạt từ mức khá đến cao ở cả ba nhóm, cho thấy trường chính trị hiện nay không ở trạng thái trì trệ. Điều này có hàm ý phương pháp luận quan trọng là quá trình chuẩn hóa không khởi đầu từ khoảng trống, mà từ một thực trạng đã có những chuyển biến nhất định nhưng chưa phát triển đồng đều giữa các câu phần.

Hai là, năng lực chuyển đổi số còn thấp hơn năng lực đổi mới sáng tạo ở cả hai nhóm bên trong nhà trường. Ở nhóm cán bộ quản lý và giảng viên, điểm năng lực chuyển đổi số (3,63 và 3,78) đều thấp hơn rõ rệt so với năng lực đổi mới sáng tạo (3,93 và 4,04); trong khi đó, nhóm đánh giá độc lập nhìn nhận hai năng lực này gần như tương đương và đều ở mức cao (4,32). Đây là biểu hiện thực chứng rõ nét của tình trạng “đổi mới sáng tạo đi trước chuyển đổi số”, đồng thời cho thấy nhóm người học và đối tượng thụ hưởng cảm nhận tích cực hơn về kết quả đầu ra so với tự đánh giá của nội bộ nhà trường.

Ba là, điểm nghẽn tập trung ở chiều sâu nghiên cứu và kỹ năng số thực hành. Năng lực đổi mới sáng tạo mạnh hơn ở đổi mới nội dung bài giảng nhưng yếu hơn ở chuyển hóa kết quả nghiên cứu và mở rộng sáng tạo theo chiều sâu học thuật. Tương tự, các nội dung gắn với LMS, thiết kế bài giảng số, học liệu số, thư viện số, hợp tác số đều thấp hơn tương đối so với nhận thức số và kiến thức số; hạ tầng số, dữ liệu đào tạo và hệ sinh thái công tác chuyên môn trực tuyến cũng chưa đáp ứng tương xứng yêu cầu phát triển.

Như vậy, thực trạng có thể khái quát bằng hai lớp nhận định: một mặt, nền tảng đổi mới đã hình thành khá rõ; mặt khác, sự phát triển vẫn chưa đồng đều giữa các câu phần. Sự không đồng đều làm cho chất lượng đào tạo tuy đã cải thiện nhưng chưa thực sự bền vững. Nói cách khác,

Bảng 1. Điểm trung bình bốn chỉ số tổng hợp theo ba nhóm chủ thể khảo sát

Chỉ số tổng hợp	Cán bộ quản lý (n = 131)	Giảng viên (n = 287)	Đánh giá độc lập (n = 888)
Năng lực đổi mới sáng tạo	3,93	4,04	4,32
Năng lực chuyển đổi số	3,63	3,78	4,32
Hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng	3,99	3,96	4,41
Điều kiện hỗ trợ	3,75	3,79	4,32

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026)

hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không phải là kết quả của một nhân tố đơn lẻ, mà là kết quả của tổ hợp các yếu tố gồm đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và điều kiện hỗ trợ của nhà trường.

Các kết quả tích cực được hình thành bởi một chuỗi điều kiện có tính liên kết. Trước hết, sự quan tâm, chỉ đạo và tạo điều kiện của lãnh đạo nhà trường là nguyên nhân nền tảng. Tiếp đó là nhận thức và động lực tự đổi mới của giảng viên - nguyên nhân trực tiếp tạo ra phần tích cực trong thực trạng. Đồng thời, bối cảnh công nghệ, nền tảng số và cơ hội tiếp cận tri thức mới tạo thêm động lực phát triển; các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và chia sẻ chuyên môn góp phần củng cố năng lực đội ngũ (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2026).

Về nguyên nhân của những hạn chế, dữ liệu định lượng và định tính đều cho thấy những nguyên nhân mang tính cấu trúc nhiều hơn là cá biệt. Các điểm nghẽn tập trung ở hạ tầng số, LMS, học liệu số, dữ liệu đào tạo, kỹ năng số chiều sâu, áp lực công việc, thiếu thời gian tự bồi dưỡng, tâm lý ngại thay đổi và đặc biệt là sự thiếu vắng của chuẩn đánh giá, minh chứng số và cơ chế theo dõi dữ liệu liên thông (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2026). Điều này rất quan trọng về mặt phương pháp luận, bởi nó nhắc rằng nếu chỉ nhắm vào nâng cao nhận thức hay bồi dưỡng vài kỹ năng lẻ mà

không xử lý đồng thời các nguyên nhân hệ thống, thì những hạn chế hiện nay sẽ khó được tháo gỡ một cách thực chất.

Thực trạng hiện nay có “Nguyên nhân sâu xa là sự phát triển chưa đồng bộ giữa con người - công nghệ - điều kiện tổ chức” (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2026). Dữ liệu phản ánh rất rõ trạng thái “đi trước - đi sau”: đổi mới sáng tạo đi trước chuyển đổi số ở hai nhóm nội bộ; nhận thức đi trước thực hành; chủ trương đi trước hạ tầng vận hành; còn dữ liệu và minh chứng đi sau yêu cầu chuẩn hóa.

2.3. Khung hàm ý chuẩn hóa trường chính trị từ phát triển năng lực giảng viên

Nguyên nhân sâu xa của thực trạng là sự phát triển chưa đồng bộ giữa con người, công nghệ và điều kiện tổ chức, thì chuẩn hóa phải là quá trình đồng bộ hóa các điều kiện phát triển. Theo hướng đó, đề xuất một khung hàm ý chuẩn hóa gồm năm thành tố gắn kết: Năng lực giảng viên - hạ tầng số, dữ liệu - minh chứng - cơ chế đánh giá - môi trường hỗ trợ đổi mới.

Thứ nhất, chuẩn hóa đội ngũ phải gắn với chuẩn hóa năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực số, chứ không chỉ dừng ở chuẩn hóa học vị, chứng chỉ hay ngạch bậc hành chính. Trong điều kiện hiện nay, những tiêu chí truyền thống vẫn cần thiết nhưng không còn đủ. Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên trường chính trị phải bao

Bảng 2. Một số điểm mạnh và điểm nghẽn trong cấu trúc năng lực giảng viên

Cấu phần	Điểm mạnh nổi bật	Điểm nghẽn chủ yếu
Năng lực đổi mới sáng tạo	Đổi mới nội dung bài giảng gắn với thực tiễn địa phương và chính sách mới	Chuyển hóa kết quả nghiên cứu vào giảng dạy; chiều sâu nghiên cứu, liên ngành còn hạn chế
Năng lực chuyển đổi số	Nhận thức số, kiến thức số và tinh thần ứng dụng công nghệ đã hình thành rõ	Kỹ năng số chiều sâu: LMS, thiết kế bài giảng số, học liệu số, thư viện số, hợp tác số
Điều kiện hỗ trợ	Sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường; hoạt động bồi dưỡng, tập huấn	Hạ tầng số, dữ liệu đào tạo; thiếu khung đánh giá và minh chứng số liên thông

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026)

gồm cả năng lực tổ chức tri thức, đổi mới nội dung bài giảng, gắn lý luận với thực tiễn, khai thác dữ liệu, thiết kế hoạt động học tập số, cộng tác học thuật số và chuyển hóa kết quả nghiên cứu vào giảng dạy.

Thứ hai, chuẩn hóa trường chính trị phải đi kèm với chuẩn hóa hạ tầng số, LMS, học liệu số và dữ liệu đào tạo. Một trong những điểm nghẽn nổi bật nhất của thực trạng hiện nay là hạ tầng số chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Bởi vậy, chuẩn hóa không thể chỉ dừng ở việc yêu cầu giảng viên đổi mới, mà còn phải bảo đảm nhà trường có môi trường số đủ mạnh để giảng viên vận hành đổi mới một cách thực chất. Chuẩn hóa trong lĩnh vực này cần bám sát tinh thần Quy định số 396-QĐ/TW: “tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu” (Ban Bí thư, 2026b). Theo đó, chuẩn hóa hạ tầng số bao gồm LMS ổn định, thư viện số, học liệu số, cơ sở dữ liệu nghiên cứu, hồ sơ đào tạo được số hóa và các nền tảng hỗ trợ tương tác trong giảng dạy, nghiên cứu, quản lý (Nguyễn Thị Thanh Nhân, 2026).

Thứ ba, chuẩn hóa đánh giá giảng viên phải gắn với chuẩn hóa bộ tiêu chí, minh chứng số và cơ chế theo dõi dữ liệu. Một nguyên nhân nổi bật của hạn chế hiện nay là thiếu chuẩn đánh giá, thiếu minh chứng số liên thông và thiếu dữ liệu đủ để theo dõi chất lượng phát triển đội ngũ. Vì vậy, chuẩn hóa trường chính trị không chỉ là chuẩn hóa đầu vào hay điều kiện bảo đảm, mà còn phải chuẩn hóa khung đánh giá, thang đo, cơ sở dữ liệu và cơ chế kiểm chứng minh bạch. Nếu không có bộ tiêu chí và hệ minh chứng số đủ rõ, đánh giá giảng viên rất dễ rơi vào tình trạng hợp thức hóa kết quả hơn là đo được chất lượng thực.

Thứ tư, chuẩn hóa gắn liền với cơ chế hỗ trợ thời gian, bồi dưỡng, khuyến khích và môi

trường cộng tác số. Từ góc nhìn mô hình năng lực, các yếu tố thể chế, môi trường tổ chức, hạ tầng công nghệ, năng lực cá nhân và môi trường thực tiễn địa phương đều có tác động tích cực đến sự phát triển năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của giảng viên; trong đó năng lực cá nhân và hạ tầng công nghệ là hai yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất (Nguyễn Thị Thanh Nhân, 2026). Điều đó có nghĩa là, chuẩn hóa đội ngũ không thể chỉ yêu cầu giảng viên tự đổi mới, mà phải đồng thời tạo hệ sinh thái hỗ trợ để sự đổi mới ấy được nuôi dưỡng và duy trì. Một môi trường học thuật khuyến khích chia sẻ tri thức, hỗ trợ ứng dụng công nghệ, tăng liên kết với thực tiễn địa phương và tạo điều kiện bồi dưỡng thường xuyên sẽ là nền tảng quan trọng để chuẩn hóa đi vào chiều sâu.

Thứ năm, chuẩn hóa năng lực giảng viên phải bao gồm chuẩn hóa năng lực chính trị - tư tưởng trong môi trường số. Đây là tiêu chí đặc thù. Chuẩn hóa theo hướng này đòi hỏi giảng viên không chỉ biết sử dụng công nghệ để nâng cao chất lượng giảng dạy, mà còn có khả năng định hướng thông tin, nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, giữ vững tính đảng, tính khoa học và tính chiến đấu trong giáo dục lý luận chính trị.

Như vậy, chuẩn hóa trường chính trị trong giai đoạn mới cần được tiếp cận không phải như một tập hợp tiêu chuẩn rời rạc, mà như một khung đồng bộ hóa giữa năng lực đội ngũ, công nghệ, dữ liệu, đánh giá, cơ chế hỗ trợ và năng lực chính trị - tư tưởng trên không gian số. Chuẩn hóa theo hướng này mới có khả năng xử lý trúng những điểm nghẽn đã được nhận diện từ thực tiễn.

3. Kết luận

Chuẩn hóa trường chính trị từ góc độ phát triển năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số của giảng viên là một vấn đề vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn trực tiếp đối với chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiện nay. Dữ liệu nghiên cứu cho thấy, đội ngũ giảng viên trường chính trị đã hình thành tương đối rõ nền tảng đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tuy nhiên, những hạn chế hiện nay lại mang tính cấu trúc nhiều hơn là cá biệt. Điểm nghẽn tập trung ở kỹ năng số chiều sâu, LMS, học liệu số, thư viện số, hợp tác số, chiều sâu nghiên cứu và thiếu khung đánh giá - minh chứng số tương thích với yêu cầu chuẩn hóa. Nguyên nhân của thực trạng là sự phát triển chưa đồng bộ giữa con người, công nghệ và điều kiện tổ chức. Chính vì vậy, chuẩn hóa trường chính trị phải đi vào đồng bộ hóa các điều kiện phát triển của nhà trường.

Đóng góp lý luận chủ yếu của bài viết là đề xuất một khung tiếp cận chuẩn hóa trường chính trị dựa trên đồng bộ hóa năm thành tố: năng lực giảng viên, hạ tầng số, dữ liệu - minh chứng, cơ chế đánh giá và môi trường hỗ trợ đổi mới nghề nghiệp; trong đó năng lực chính trị - tư tưởng của giảng viên trên không gian số được xác định là tiêu chí đặc thù không thể thiếu. Trên cơ sở đó, quá trình chuẩn hóa thực sự góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đồng thời tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững, hiện đại và có chiều sâu của trường chính trị trong giai đoạn mới □

Ngày nhận bài: 21/4/2026;

Ngày bình duyệt: 17/7/2026;

Ngày quyết định đăng: 22/8/2026.

Email tác giả: letuyenhg0997389733@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

Ban Bí thư (2026a). *Quy định số 393-QĐ/TW* ngày

05-01-2026 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố.

Ban Bí thư (2026b). *Quy định số 396-QĐ/TW* ngày 06/01/2026 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn.

C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Toàn tập (Tập 46)*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Hoàng Văn Hoan (2026). Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động lao động của giảng viên trường chính trị. *Hội thảo khoa học: Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của giảng viên trường chính trị đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng hiện nay, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*, 2026.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026). *Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, Nội dung 5: Phân tích, đánh giá thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của giảng viên trường chính trị đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiện nay*. Đề tài khoa học cấp bộ trọng điểm: Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của giảng viên trường chính trị đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng hiện nay.

Nguyễn Thị Thanh Nhân (2026). Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của giảng viên các trường chính trị cấp tỉnh ở Việt Nam: tiếp cận từ mô hình năng lực. *Hội thảo khoa học: Giải pháp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của giảng viên trường chính trị trong bối cảnh mới*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2026.

OECD/Eurostat (2018). *Oslo Manual 2018: Guidelines for Collecting, Reporting and Using Data on Innovation*. OECD Publishing, Paris.

Redecker, C. (2017). *European Framework for the Digital Competence of Educators: DigCompEdu*. "Publications Office of the European Union, Luxembourg.

Schumpeter, J.A. (1934). *The Theory of Economic Development*. Harvard University Press.

UNESCO (2018). *UNESCO ICT Competency Framework for Teachers*. <https://www.unesco.org>

UNESCO (2024). *AI Competency Framework for Teachers*. <https://www.unesco.org>.